

Số: 3008/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 4409/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2025 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 1734-CV/VPTW ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Xét đề nghị của Giám đốc Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn thứ nhất về quan điểm phát triển tại mục I Điều 1 như sau:

Hạ tầng thông tin và truyền thông là một chỉnh thể thống nhất, hình thành trên cơ sở liên kết giữa mạng bưu chính, hạ tầng số, hạ tầng công nghiệp công nghệ số, các nền tảng chuyển đổi số quốc gia và hệ thống bảo đảm an ninh thông tin mạng, an ninh mạng; phát triển theo hướng đồng bộ, liên thông giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị (khối cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và mô hình quản trị dựa trên dữ liệu, bảo đảm vững chắc chủ quyền số quốc gia, tự chủ công nghệ lõi, tạo lập môi trường an toàn, tin cậy cho phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung về yêu cầu phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại điểm a khoản 2 mục II Điều 1 như sau:

Đảm bảo năng lực Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ Trung ương đến cấp xã.

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại mục IV Điều 1 như sau:

a) Thay thế tên các đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp bằng tên các đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp tương ứng theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, tại nội dung về quy mô công trình của Trung tâm Bưu chính vùng quy định tại điểm a khoản 1 mục IV Điều 1, cụ thể như sau:

Quy mô công trình:

+ Trung tâm Bưu chính vùng 1 (Đặt tại tỉnh Phú Thọ, phục vụ các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai): trên 12 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 2 (Đặt tại tỉnh Sơn La, phục vụ các tỉnh Phú Thọ, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu): trên 5 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 3 (Đặt tại tỉnh Thái Nguyên, phục vụ các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng): trên 5 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 4 (Đặt tại thành phố Hải Phòng, phục vụ thành phố Hải Phòng và tỉnh Hưng Yên): trên 8 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 5 (Đặt tại tỉnh Bắc Ninh, phục vụ các tỉnh Bắc Ninh và Lạng Sơn): trên 12 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 6 (Đặt tại thành phố Hải Phòng, phục vụ thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh): trên 15 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 7 (Đặt tại tỉnh Ninh Bình, phục vụ các tỉnh Ninh Bình, Hưng Yên): trên 10 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 8 (Đặt tại tỉnh Nghệ An, phục vụ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị): trên 15 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 9 (Đặt tại tỉnh Khánh Hòa, phục vụ các tỉnh Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Lâm Đồng): trên 12 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 10 (Đặt tại tỉnh Đắk Lắk, phục vụ các tỉnh Gia Lai, Quảng Ngãi, Đắk Lắk): trên 7 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 11 (Đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, phục vụ Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng, Tây Ninh): trên 19 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 12 (Đặt tại thành phố Đồng Nai, phục vụ thành phố Đồng Nai, tỉnh Lâm Đồng và thành phố Hồ Chí Minh): trên 23 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 13 (Đặt tại tỉnh Đồng Tháp, phục vụ các tỉnh Đồng Tháp, Tây Ninh, Vĩnh Long): trên 10 ha;

+ Trung tâm Bưu chính vùng 14 (Đặt tại thành phố Cần Thơ, phục vụ thành phố Cần Thơ và các tỉnh Cà Mau, Vĩnh Long, An Giang, Đồng Tháp): trên 26 ha;

+ Trung tâm Bưu chính khu vực miền Trung (Đặt tại thành phố Đà Nẵng, phục vụ thành phố Huế, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi): trên 14 ha.

b) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về yêu cầu phát triển cáp quang biển tại điểm a khoản 2 mục II Điều 1 và nội dung về Hệ thống truyền dẫn quốc tế tại điểm a khoản 2 mục IV Điều 1 như sau:

- Yêu cầu phát triển đến năm 2030: Triển khai và đưa vào hoạt động các tuyến cáp quang trên biển, nâng tổng số tuyến cáp quang trên biển của Việt Nam lên tối thiểu 15 tuyến, với tổng dung lượng đạt tối thiểu 350 Tbps. Trong đó, tối thiểu 02 tuyến cáp quang trên biển do Việt Nam làm chủ, kết nối trực tiếp tới các Digital Hub trong khu vực.

- Định hướng phân bổ không gian: Hệ thống cáp quang trên biển được phát triển theo hướng phân bổ hài hòa trên các hướng kết nối khả thi về mặt kỹ thuật, bao gồm: kết nối ra Biển Đông lên phía Bắc, kết nối ra Biển Đông xuống phía Nam và kết nối ra vùng biển phía Nam.

c) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Phương án phát triển Mạng bưu chính KT1 tại điểm b khoản 1 mục IV Điều 1 như sau:

Mạng bưu chính KT1

Ứng dụng giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hiện đại hóa Mạng bưu chính KT1.

Chuyển đổi số công tác quản lý, điều hành theo mô hình ra quyết định dựa trên dữ liệu. Bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ, thông tin liên lạc an toàn, thông suốt, liên tục trong mọi tình huống.

- Loại hình công trình: Xác định cụ thể theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình liên quan đến an ninh quốc gia và các văn bản hướng dẫn.

- Vai trò công trình: Mạng được thiết lập và kết nối với mạng bưu chính công cộng để duy trì hoạt động chấp nhận, khai thác, vận chuyển và phát thư, gói, kiện tài liệu; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhanh chóng, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống.

- Định hướng khai thác, sử dụng: Sử dụng riêng cho việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp Trung ương đến cấp xã.

d) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Phương án phát triển Mạng Truyền số liệu chuyên dùng (Mạng TSLCD) tại điểm a khoản 2 mục IV Điều 1 như sau:

Mạng Truyền số liệu chuyên dùng (Mạng TSLCD)

Hiện đại hóa, ứng dụng giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển Mạng TSLCD là hệ thống thông tin quy mô quốc gia, kết nối từ trung ương đến cấp xã phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chuyển đổi số công tác quản lý, điều hành theo mô hình ra quyết định dựa trên dữ liệu. Bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ, thông tin liên lạc an toàn, thông suốt, liên tục trong mọi tình huống.

- Định hướng phân bổ không gian: Bố trí vị trí cho các trung tâm miền, trung tâm dự phòng; Trung tâm điều hành mạng tại Hà Nội và 03 trung tâm vận hành, khai thác mạng tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh; các vị trí lắp đặt thiết bị tại các trung tâm tỉnh, xã trên toàn quốc.

- Loại hình công trình: Xác định cụ thể theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình liên quan đến an ninh quốc gia và các văn bản hướng dẫn.

- Vai trò công trình: Mạng TSLCD là hệ thống thông tin quy mô quốc gia, hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị.

- Quy mô công trình: Kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên phạm vi cả nước. Quy mô triển khai trung tâm dự phòng có diện tích tối thiểu 0,2 ha.

- Định hướng khai thác, sử dụng: Mạng TSLCD cung cấp hạ tầng kết nối dùng chung phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp Trung ương đến cấp xã.

e) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Phương án phát triển Mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước tại điểm a khoản 2 mục IV Điều 1 như sau:

Mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Triển khai, nâng cấp, hiện đại hóa mạng điện thoại hệ đặc biệt, mạng di động mặt đất, ứng dụng giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các giải pháp bảo mật cơ yếu.

Chuyển đổi số công tác quản lý, điều hành theo mô hình ra quyết định dựa trên dữ liệu. Bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ, thông tin liên lạc an toàn, thông suốt, liên tục trong mọi tình huống.

- Định hướng phân bổ không gian:

+ Hệ thống thiết bị quản lý, điều khiển, giám sát (Hệ thống chuyển mạch lõi, các máy chủ quản lý, giám sát, cung cấp dịch vụ và thiết bị bảo đảm an ninh mạng) đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Thiết bị đầu cuối (Máy điện thoại, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật cơ yếu) lắp đặt tại khu vực làm việc và nhà riêng của đối tượng sử dụng.

- Loại hình công trình: Xác định cụ thể theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình liên quan đến an ninh quốc gia và các văn bản hướng dẫn.

- Vai trò công trình: Bảo đảm nhu cầu liên lạc thường xuyên và các nhu cầu liên lạc cơ mật, khẩn cấp từ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đến các đầu mối trực thuộc quan trọng.

- Định hướng khai thác, sử dụng: Mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước được thiết lập phục vụ công tác chỉ đạo thường xuyên, liên lạc cơ mật, khẩn cấp của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đối tượng theo yêu cầu.

g) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Phương án phát triển Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước tại điểm a khoản 2 mục IV

Điều 1 như sau:

Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Xây dựng Mạng điện báo Hệ đặc biệt trở thành hệ thống phục vụ thông tin khẩn cấp, cơ mật của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong mọi tình huống. Hoàn thiện tổ chức mạng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; ứng dụng giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, sử dụng thiết bị với công nghệ hiện đại, ưu tiên quy hoạch phân bổ tần số vô tuyến điện; sử dụng các giải pháp bảo mật cơ yếu theo quy định của pháp luật.

Chuyển đổi số công tác quản lý, điều hành theo mô hình ra quyết định dựa trên dữ liệu. Bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ, thông tin liên lạc an toàn, thông suốt, liên tục trong mọi tình huống.

- Định hướng phân bố không gian: Đài trưởng mạng tại Hà Nội, đài trung tâm miền Trung tại Đà Nẵng, đài trung tâm miền Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, đài điện báo tỉnh, đài điện báo đặc khu và đài điện báo cơ động.

- Loại hình công trình: Xác định cụ thể theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình liên quan đến an ninh quốc gia và các văn bản hướng dẫn.

- Vai trò công trình: Mạng điện báo Hệ đặc biệt là mạng viễn thông dùng riêng, phục vụ yêu cầu riêng biệt về thông tin liên lạc khẩn cấp và cơ mật cho cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Quy mô công trình: Đài trưởng mạng tại Hà Nội, các đài trung tâm miền tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, mỗi trạm thành phần thuộc đài trưởng mạng, các đài Trung tâm miền có diện tích tối thiểu 0,1 ha. Đài tỉnh, Đặc khu có diện tích tối thiểu 0,1 ha; đài cơ động được sử dụng trong khi di chuyển hay tạm dừng ở những điểm không cố định, phục vụ thông tin cho cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong những trường hợp khẩn cấp, cơ mật.

- Định hướng khai thác, sử dụng: Mạng điện báo Hệ đặc biệt là hệ thống thông tin có tính chiến lược, sử dụng công nghệ hiện đại, ngang tầm với các quốc gia trong khu vực và thế giới, bảo đảm thông tin thông suốt, an toàn bảo mật trong mọi tình huống, phục vụ hiệu quả, kịp thời yêu cầu thông tin liên lạc của các cơ quan Đảng và Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đặc biệt trong những trường hợp khẩn cấp, cơ mật.

h) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong định hướng phát triển Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây tại điểm b khoản 2 mục II Điều 1 như sau:

Định hướng phát triển

Hình thành các trung tâm dữ liệu quy mô lớn theo tiêu chuẩn xanh, phù hợp với xu thế phát triển trí tuệ nhân tạo và quy hoạch vùng năng lượng; bảo đảm kết nối đồng bộ, liên thông dữ liệu, khả năng dự phòng lẫn nhau và khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có. Các trung tâm dữ liệu xây dựng mới cần đáp ứng yêu cầu sẵn sàng cho trí tuệ nhân tạo (AI-ready) về năng lực tính toán, lưu trữ, kết nối, an toàn, an ninh thông tin và tiết kiệm năng lượng; từng bước hình thành hạ tầng dữ liệu và tính toán dùng chung, an toàn, có khả năng kết nối, chia sẻ, đáp ứng nhu cầu xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu lớn phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

4. Thay cụm từ “Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin” thành “Hạ tầng số công cộng” và sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tại Điều 1, cụ thể như sau:

Hạ tầng số công cộng

- Định hướng phát triển: Ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển hạ tầng số công cộng theo hướng làm trước, làm tốt, làm tập trung để cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho các nền tảng số, ứng dụng khai thác, sử dụng lại, làm cơ sở để phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong chính phủ, kinh tế số và xã hội số.

- Yêu cầu phát triển đến năm 2030

+ Tuân thủ các quy định tại Luật chuyển đổi số bao gồm: Nguyên tắc kiến trúc và thiết kế hệ thống số; tuân thủ các quy định về yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống số.

+ Hạ tầng số công cộng được vận hành ổn định, thông suốt cung cấp dịch vụ rộng rãi cho mọi đối tượng có nhu cầu.

+ Mọi người dân, doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số của hạ tầng số công cộng không phân biệt đối tượng, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

- Phương án phát triển: Hạ tầng số công cộng bao gồm nền tảng số và dịch vụ số dùng chung do Nhà nước đầu tư, quản lý hoặc bảo đảm vận hành; được xây dựng theo nguyên tắc mở, tiêu chuẩn và khả năng tương thích cao nhằm phục vụ lợi ích công cộng; có khả năng kết nối, tích hợp và liên thông an toàn trong nước, khu vực và quốc tế.

- Quy mô công trình

Nhà nước thống nhất quản lý, vận hành theo các quy tắc mở, an toàn, minh bạch và bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng đối với các hạ tầng số công cộng sau

đây:

- + Định danh và xác thực điện tử theo pháp luật về căn cước;
- + Hạ tầng thanh toán số do Nhà nước quản lý, vận hành;
- + Nền tảng kết nối, tích hợp, chia sẻ, điều phối dữ liệu cấp quốc gia;
- + Hạ tầng chứng thực điện tử quốc gia.
- Định hướng khai thác, sử dụng

+ Xây dựng, hình thành và vận hành hạ tầng số công cộng thông qua hạ tầng số, hệ thống số, nền tảng số và dữ liệu số, tạo môi trường số là không gian cho các hoạt động, tương tác, giao dịch và cung cấp dịch vụ.

+ Sử dụng hạ tầng số công cộng để giảm sự chênh lệch về khoảng cách số giữa các nhóm đối tượng, tổ chức, cá nhân về năng lực số, điều kiện, khả năng tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi.

+ Chủ quản hạ tầng số công cộng, hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xây dựng công cụ để chủ động sàng lọc, phát hiện, thông báo, xử lý nhằm bảo vệ người sử dụng khỏi các nội dung xấu, độc hại, thông tin vi phạm pháp luật, tin giả, nội dung lừa đảo theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và pháp luật khác có liên quan.

+ Kiến tạo thể chế theo hướng khuyến khích phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số mới; thúc đẩy sử dụng các nền tảng số “Make in Viet Nam” nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, từng bước chiếm lĩnh thị trường Việt Nam và vươn ra thị trường quốc tế. Đồng thời, đổi mới phương thức quản lý đối với các quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số.

5. Thay cụm từ “Công nghiệp công nghệ thông tin” thành “Công nghiệp công nghệ số”, “Khu công nghệ thông tin tập trung” thành “Khu công nghệ số tập trung” và sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tại Điều 1, cụ thể như sau:

Công nghiệp công nghệ số

- Định hướng phát triển

Phát triển công nghiệp công nghệ số trở thành ngành công nghiệp nền tảng, động lực then chốt thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế số, xã hội số. Ngành công nghiệp công nghệ số phát triển toàn diện trên nền tảng đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ số chiến lược, công nghệ số trọng điểm, đặc biệt là trí tuệ

nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật, chuỗi khối; chuyển dịch mạnh mẽ từ lắp ráp, gia công sang nghiên cứu, thiết kế, sáng tạo sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam và tham gia sâu vào những công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ số thế giới; hướng tới xây dựng Việt Nam trở thành một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới, góp phần đưa đất nước phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới:

+ Hình thành hệ thống các khu công nghệ số tập trung trên toàn quốc có tính liên kết, tích hợp đầy đủ các chức năng nghiên cứu và phát triển, ươm tạo công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số, sản xuất sản phẩm và cung cấp dịch vụ công nghệ số. Các khu công nghệ số tập trung có sự phân bổ hợp lý về quy mô diện tích, lĩnh vực chuyên môn và vị trí địa lý, bảo đảm hiệu quả đầu tư và phát huy tối đa lợi thế theo từng vùng, địa phương.

+ Quy hoạch phát triển các khu công nghệ số tập trung gắn với phát triển hạ tầng số quốc gia, kết nối liên thông với hạ tầng công nghiệp công nghệ số thiết yếu, dùng chung, hình thành các cụm liên kết ngành, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo chuyên biệt, nhóm sản phẩm chuyên môn hóa, hiệu quả cao theo lợi thế cạnh tranh của từng vùng, địa phương; bảo đảm phát triển bền vững về môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; sử dụng tài nguyên đất và hạ tầng công nghiệp công nghệ số hiệu quả, đúng mục tiêu.

- Yêu cầu phát triển đến năm 2030

Hình thành mạng lưới khu công nghệ số tập trung với số lượng và quy mô được phân bổ phù hợp trên phạm vi cả nước; tập trung thu hút đầu tư, phát triển các khu công nghệ số tập trung tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hải Phòng và các vùng, địa phương có lợi thế phát triển công nghiệp công nghệ số; ưu tiên xây dựng khu công nghệ số tập trung quy mô lớn, phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển của từng vùng kinh tế trọng điểm; thu hút sự tham gia đầu tư của các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới thành lập các trung tâm nghiên cứu – phát triển tiên tiến trong các khu công nghệ số tập trung; nâng cấp, mở rộng và kết nối các khu công nghệ số tập trung trong vùng thành các trung tâm công nghệ số có sức cạnh tranh quốc tế.

- Định hướng phân bổ không gian

Phân bổ không gian phát triển khu công nghệ số tập trung trên cơ sở các vùng kinh tế trọng điểm và trong phương án quy hoạch tỉnh, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, định hướng về phát triển công nghiệp công nghệ số, khoa học, công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số, kinh tế số. Ưu tiên chuyển đổi các khu chức năng sang mô hình khu công nghệ số tập trung để mang lại giá trị gia tăng cao dựa trên công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển xanh, bền vững. Khuyến khích đầu tư xây dựng các khu công nghệ số tập trung quy mô lớn theo vùng, đóng vai trò hạt nhân, dẫn dắt phát triển công nghiệp công nghệ số của vùng, địa phương.

Thành lập, mở rộng khu công nghệ số tập trung và công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đáp ứng điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật, phân bổ không gian phù hợp với lợi thế cạnh tranh, nguồn nhân lực và hạ tầng số của từng vùng, địa phương, cụ thể:

+ Vùng trung du và miền núi phía Bắc: Tổ chức không gian phát triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung để phát huy lợi thế của vùng phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm phần cứng, bán dẫn, thiết bị thông minh; phần mềm nhúng, Internet vạn vật trong công nghiệp (IoT), giải pháp nhà máy thông minh. Phát huy vị trí cửa ngõ biên giới phía Bắc để phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ thương mại điện tử xuyên biên giới, logistics thông minh.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: Tổ chức không gian phát triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung để phát huy vai trò vùng kinh tế trọng điểm dẫn đầu quốc gia về công nghiệp công nghệ số, phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chip bán dẫn, blockchain; phát triển sản phẩm phần mềm, nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam có hàm lượng giá trị gia tăng cao. Phát huy lợi thế là vùng tập trung nguồn nhân lực chất lượng cao, hệ thống trường đại học, viện nghiên cứu và cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số để hình thành các khu công nghệ số tập trung với vai trò là trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ số quy mô quốc gia và khu vực.

+ Vùng Bắc Trung Bộ: Tổ chức không gian phát triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung để phát huy vai trò đầu mối liên kết với các vùng kinh tế trọng điểm, phục vụ phát triển sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số trong lĩnh vực logistics thông minh, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển; gắn kết với hệ thống khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp trong vùng để hình thành chuỗi cung ứng phục vụ hoạt động sản xuất công nghiệp, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu và mở rộng thị trường quốc tế. Phát huy lợi thế nguồn nhân lực chuyên ngành kỹ thuật để thực hiện hoạt động gia công, sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung số. Khuyến khích các tỉnh trong vùng xây dựng, phát triển khu công nghệ số tập trung.

+ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Tổ chức không gian phát

triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung để phát huy lợi thế hệ sinh thái nông nghiệp đặc thù và năng lượng tái tạo, phục vụ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong lĩnh vực nông nghiệp, chuỗi giá trị nông sản, năng lượng sạch và du lịch sinh thái. Phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu để phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao trong các khu công nghệ số tập trung để hỗ trợ các vùng trong phát triển công nghiệp công nghệ số.

+ Vùng Đông Nam Bộ: Tổ chức không gian phát triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung nhằm phát huy vai trò vùng kinh tế trọng điểm năng động nhất cả nước, phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ số trọng điểm; thu hút đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm phần cứng; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. Phát huy lợi thế hạ tầng sân bay quốc tế, cảng biển và hệ thống logistics hiện đại để phát triển thương mại điện tử, tài chính, logistics thông minh, kinh tế số.

+ Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Tổ chức không gian phát triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung để phát huy lợi thế vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản trọng điểm quốc gia, phục vụ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản và logistics chuỗi cung ứng nông sản. Phát huy lợi thế về vị trí kết nối tiểu vùng Mekong để phát triển sản phẩm công nghệ số về thích ứng biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên nước và chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Loại hình công trình/Vai trò của công trình

Xây dựng các khu công nghệ số tập trung tạo ra hạ tầng công nghiệp công nghệ số hiện đại và môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ số hoạt động, góp phần phát triển ngành công nghiệp nền tảng của quốc gia - ngành công nghiệp công nghệ số. Khu công nghệ số tập trung tạo ra không gian phục vụ nghiên cứu và phát triển, ươm tạo công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số, đào tạo và bồi dưỡng nhân lực công nghệ số, xúc tiến thương mại và đầu tư, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; là hạt nhân hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo số.

Phát triển cơ sở nghiên cứu, thiết kế, sản xuất thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ số; cơ sở đo kiểm, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao trong khu công nghệ số tập trung. Ưu tiên xây dựng, bố trí các công trình tại vị trí thuận lợi, địa chất ổn định và có nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng được yêu cầu về phát triển.

- Định hướng khai thác, sử dụng

+ Phát triển các khu công nghệ số tập trung để hình thành hệ sinh thái công nghệ số toàn diện, nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu; phát huy kết quả, giá trị của các khu công nghệ số tập trung đang hoạt động hiệu quả, tạo sự lan tỏa cho mạng lưới khu công nghệ số tập trung trên cả nước.

+ Phát triển sản phẩm phần cứng, công nghiệp bán dẫn: Làm chủ các công đoạn nghiên cứu, thiết kế, sản xuất chip bán dẫn, thiết bị viễn thông 5G và các thế hệ tiếp theo, thiết bị thông minh, thiết bị IoT; phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và bảo đảm chủ quyền số quốc gia.

+ Phát triển sản phẩm phần mềm và trí tuệ nhân tạo: Phát triển nền tảng số, ứng dụng, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, các mô hình ngôn ngữ lớn, hệ thống trí tuệ nhân tạo Make in Viet Nam phục vụ Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

+ Phát triển nội dung số: Xây dựng hệ sinh thái nội dung số phong phú, đa dạng, giữ gìn bản sắc dân tộc cho người Việt; thúc đẩy sáng tạo nội dung số và dẫn dắt thị trường nội dung số Việt Nam.

+ Phát triển dịch vụ công nghệ số: Triển khai các giải pháp, sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam để giải quyết các bài toán phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số.

- Chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật

Điều kiện và tiêu chí theo quy định của Chính phủ và xem xét các tiêu chí bổ sung như sau:

+ Ưu tiên phát triển khu công nghệ số tập trung bền vững, phát huy lợi thế cạnh tranh của từng vùng, địa phương, thúc đẩy liên kết vùng, hình thành cụm liên kết ngành và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; bảo đảm phân bổ số lượng, quy mô phù hợp, không dàn đều theo địa giới hành chính; tạo vùng động lực mới theo các hành lang kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng và thân thiện với môi trường.

+ Khả năng thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam; phát triển công nghiệp công nghệ số tại vùng, địa phương có tiềm năng hỗ trợ trong phát triển kinh tế - xã hội.

+ Rà soát, điều chỉnh, đưa ra khỏi quy hoạch đối với các khu công nghệ số tập trung chậm triển khai, không triển khai hoặc không còn phù hợp với yêu cầu

phát triển theo định hướng, chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt, không mang lại hiệu quả đầu tư và gây lãng phí tài nguyên đất đai.

+ Mức độ đồng bộ với phát triển đô thị, hạ tầng giao thông, dịch vụ, phân bố dân cư và nhà ở trong phương án tổng thể, tạo thuận lợi cho thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.

+ Khả năng thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài; các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới đầu tư, thành lập trung tâm nghiên cứu và phát triển trong khu công nghệ số tập trung.

+ Ưu tiên phát triển khu công nghệ số tập trung gần các đô thị khoa học, trường đại học, cơ sở nghiên cứu, trung tâm dữ liệu lớn nhằm khai thác tối đa nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao; thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa khu công nghệ số tập trung với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

Định hướng sử dụng đất

Việc sử dụng đất cho khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, quy hoạch và công nghiệp công nghệ số; phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Phát triển khu công nghệ số tập trung gắn với phát huy lợi thế so sánh của vùng, địa phương; thúc đẩy liên kết vùng; tạo động lực mới theo các hành lang kinh tế; sử dụng đất hiệu quả, đúng mục đích; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại địa phương.

6. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại mục VII Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung "Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực":

Ưu tiên phát triển các khu công nghệ số tập trung gần các đô thị khoa học, trường đại học, cơ sở nghiên cứu, trung tâm dữ liệu lớn; thúc đẩy liên kết đào tạo - nghiên cứu - sản xuất giữa cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và khu công nghệ số tập trung; phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, an ninh mạng, phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số và chuyển đổi số quốc gia.

b) Điều chỉnh, bổ sung nội dung "Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch":

Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch giữa trung ương và địa phương, giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hệ thống chính trị; bảo đảm tính liên thông, thống nhất, dùng chung hạ tầng, nền tảng và dữ liệu, phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số

và yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm các quy hoạch địa phương phải tuân thủ các định hướng của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; phối hợp giữa các bộ, ngành để xử lý các vấn đề liên ngành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

7. Thay thế, bổ sung một số cụm từ tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

a) Thay cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại các nội dung về trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện, phối hợp thực hiện Quy hoạch; trừ trường hợp viện dẫn tên cơ quan ban hành, cơ quan trình hoặc cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm ban hành văn bản được dẫn chiếu trong Quy hoạch.

b) Thay cụm từ “các huyện đảo, đảo lớn của Việt Nam” thành “các đặc khu, xã đảo, đảo lớn của Việt Nam”.

c) Thay cụm từ “an toàn thông tin” thành “an ninh thông tin”, cụm từ “an toàn thông tin mạng” thành “an ninh thông tin mạng”.

d) Thay các nội dung dẫn chiếu theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng bằng cụm từ “theo quy định của pháp luật hiện hành về phân loại, phân cấp công trình xây dựng”.

e) Thay cụm từ “Nhóm dự án ứng dụng công nghệ thông tin” thành “Nhóm dự án hạ tầng số công cộng”, cụm từ “Nhóm dự án công nghiệp công nghệ thông tin” thành “Nhóm dự án công nghiệp công nghệ số” tại Phụ lục Danh mục dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực thông tin và truyền thông.

8. Bãi bỏ các nội dung về Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng tại Phần I. Nhóm các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông ưu tiên đầu tư (do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì) thuộc Phụ lục Danh mục dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực thông tin và truyền thông, để bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan có liên quan sau hợp nhất theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Các nội dung không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 4409/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

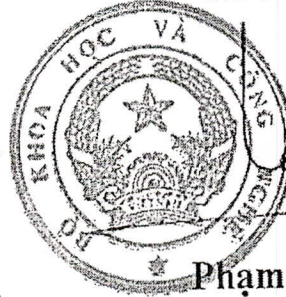
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Phạm Đức Long*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Chỉ đạo TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (đề b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Công an (đề ph/h);
- Các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Ngoại giao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Bộ trưởng và các Thủ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ KHCN;
- Lưu: VT, HVCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Đức Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VĂN PHÒNG**

Số: 22 / SY-VP

SAO Y

Hải Phòng, ngày 09 tháng 7 năm 2026

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;
- Cổng TTĐT TP (đăng tải);
- Lưu: VT, N.Đ.Thắng.

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thanh Hùng